

Bản án số: 164/2022/DS-PT
Ngày: 21 – 12 – 2022
“V/v Tranh chấp về yêu cầu bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng do
tài sản bị xâm phạm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 116/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B; cư trú tại: Ấp A, xã Thuận H, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng N và vợ là bà Hồ Thị M;

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã Vĩnh Thuận Đ1, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hoàng N (theo Giấy ủy quyền ngày 16/12/2022): bà Hồ Thị M (là bị đơn trong vụ án) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lương Thị P; cư trú tại: Ấp C, xã Vĩnh Thuận Đ1, huyện L, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Năm 1990, cha mẹ của bà là cụ Trần Văn Đ và cụ Huỳnh Thị U có cho bà phần đất diện tích 2.600m² đất ruộng tọa lạc tại ấp 3 xã Vĩnh Thuận Đ1, huyện L, tỉnh Hậu Giang, nhưng đất vẫn do cụ U đứng tên chưa tách sang tên cho bà. Bà trực tiếp sử dụng phần đất này từ năm 1990 đến năm 2002 thì chuyển nhượng lại cho chị là bà Lương Thị P, giá chuyển nhượng là 30 chỉ vàng 24k, nhưng bà P chỉ giao cho bà được 10 chỉ vàng 24k, còn thiếu lại 20 chỉ vàng 24k và bà đã giao đủ đất cho bà P. Khi chuyển nhượng hai bên có thỏa thuận khi nào cha mẹ đem giấy quyền sử dụng đất đang thế chấp ở Ngân hàng Cái Sắn về thì bà P sẽ giao đủ số vàng còn lại, nhưng đến năm 2016 khi cha mẹ đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì bà P cho rằng đã trả đủ vàng, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp, bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện L giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Theo Bản án sơ thẩm số 42/2019/DSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà đối với bà P. Sau khi Tòa án xử xong, bà không kháng cáo mà vẫn tiếp tục tranh chấp phần đất này cũng như vào phần đất canh tác và bà P đã đồng ý trả lại đất cho bà.

Đến vụ lúa sạ chay năm 2020, vụ Đông Xuân năm 2020 và vụ sạ chay năm 2021, bà đã sạ lúa, bón phân chăm sóc lúa đến khi lúa chín thì vợ chồng ông Trần Hoàng N và bà Hồ Thị M tự ý vào cắt lúa (thu hoạch lúa), xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của bà. Bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà M bồi thường số lúa mà vợ chồng ông N, bà M đã thu hoạch của 03 vụ lúa, mỗi vụ khoảng 2000kg/02 công với số tiền là 15.000.000 đồng, tổng cộng 03 vụ là 45.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Hồ Thị M, đồng thời là đại diện ủy quyền của ông Trần Hoàng N trình bày:

Nguồn gốc phần đất vợ chồng bà đang canh tác là đất gốc của cha mẹ chồng là cụ Đ và cụ U. Năm 2016, hộ cụ U đã làm hợp đồng tặng cho toàn bộ phần đất cho ông N và ông N đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong diện tích đất cha mẹ đã tặng cho thì có phần đất diện tích 02 công mà trước đây bà B khởi kiện bà P đòi lại 20 chỉ vàng 24K còn nợ khi nhận chuyển nhượng của bà B vào năm 2002. Việc tranh chấp đất giữa bà B và bà P đã được Tòa án giải quyết xong năm 2019, bà P vẫn tiếp tục được canh tác phần đất này. Đến năm 2020 bà P thấy vợ chồng bà hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên bà P mới cho vợ chồng bà mượn phần đất này để canh tác lấy tiền nuôi mẹ đến nay.

Vợ chồng bà mượn phần đất của bà P canh tác được 03 vụ lúa là vụ sạ chay năm 2020, vụ Đông Xuân năm 2020 và vụ sạ chay năm 2021. Khi vợ chồng bà vào canh tác đất thì toàn bộ chi phí gồm: lúa giống, vật tư nông nghiệp để chăm sóc lúa từ lúc mới sạ lúa đến khi thu hoạch là do vợ chồng bà bỏ ra. Trong thời gian này, bà B vào ngăn cản nhiều lần không cho vợ chồng bà canh

tác, rồi tự ý đem lúa giống gieo sạ chồng lên phần lúa giống của vợ chồng bà đã gieo sạ, bón phân, phun thuốc tùy tiện vào lúa. Việc bà B sạ lúa giống chồng lên phần lúa đã sạ trước đó, cũng như bón phân và phun thuốc quá liều dẫn đến lúa không phát triển tốt, liên tục thất mùa, mỗi công thu hoạch được khoảng vài trăm kilôgam. Vợ chồng ông N, bà M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B, vì đây là lúa do vợ chồng ông bà canh tác có được, không phải lúa của bà B. Việc bà B tự ý vào sạ lúa, phun thuốc, bón phân tùy tiện vào lúa trên phần đất không thuộc quyền sở hữu của bà B làm tổn thất chi phí thì bà B tự chịu trách nhiệm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị P trình bày:

Bà P, bà B và ông N là chị em cùng mẹ khác cha. Năm 1990, cha mẹ là cụ Đ và cụ U có cho bà B phần đất diện tích 2.600m² đất ruộng tọa lạc tại ấp 3 xã Vĩnh Thuận Đ1, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Bà B canh tác đến năm 2002 thì chuyển nhượng lại cho bà với giá là 30 chỉ vàng 24k, bà đã giao đủ vàng cho bà B và bà B cũng đã giao đủ đất cho bà sử dụng. Tuy nhiên, năm 2017, bà B cho rằng bà chưa giao đủ vàng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả thêm 20 chỉ vàng. Tại Bản án số 42/2019/DSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã bác yêu cầu khởi kiện đòi vàng của bà B, bà B không kháng cáo và bản án đã có hiệu lực thi hành.

Sau khi Tòa án giải quyết xong thì bà P vẫn đang canh tác trên phần đất này thì bà B cũng tự ý đem lúa giống sạ chồng lên phần lúa giống của bà P. Đến ngày 02/06/2020 bà P cắt lúa, thì bà B ra ngăn cản cho rằng đất của bà B và yêu cầu công an và Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận Đ1 giải quyết. Số tiền bán lúa của vụ này sau khi trừ chi phí cắt lúa thì còn lại là 7.642.000 đồng, Công an xã Vĩnh Thuận Đ1 đã giữ lại để giải quyết. Bà B tiếp tục đi khiếu nại nhiều nơi, sau đó thì Công an xã có động viên bà P nghĩ đến tình nghĩa chị em nên nhường nhịn và thỏa thuận thương lượng cho êm xuôi, hơn nữa con gái của bà P cũng đang công tác tại công an xã, thấy vậy bà P cũng sợ ảnh hưởng đến công việc của con, nên bà P mới đồng ý để cho bà B nhận số tiền này tại Công an xã Vĩnh Thuận Đ1, bà P cũng không có làm giấy trả đất gì cho bà B. Sau đó bà cho em trai là ông N và vợ là M mượn canh tác để lấy tiền nuôi mẹ già. Đất này cha mẹ vẫn còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này cha mẹ đã tặng cho toàn bộ đất đai cho vợ chồng ông N và sang tên lại cho ông N đứng tên, do thấy chưa cần thiết nên bà P chưa yêu cầu vợ chồng ông N, bà M tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn bà Trần Thị B đối với bị đơn ông Trần Hoàng N và bà Hồ Thị M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn bà Trần Thị B có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc vợ chồng ông N, bà M có trách nhiệm bồi thường cho bà số tiền 45.000.000 đồng.

- Bị đơn bà M, đồng thời là đại diện hợp pháp của ông N đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Về nguồn gốc đất là của cha mẹ là cụ Đ và cụ U tặng cho ông N vào năm 2016 nhưng trong đó có 02 công đất bà P sang nhượng của bà B vào năm 2002 và bà P đã cho ông N, bà M mượn canh tác từ năm 2020 đến nay nên việc canh tác của vợ chồng ông N, bà M là phù hợp. Việc bà B tự ý vào phân đất canh tác, gieo sạ, bón phân, xịt thuốc trên phần đất này là không đúng vì đã sang nhượng cho bà P nên chi phí đã bỏ ra bà B tự chịu. Ông N, bà M không có hành vi xâm phạm tài sản của bà B nên không có trách nhiệm bồi thường. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2022, nguyên đơn bà Trần Thị B có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà B yêu cầu vợ chồng ông N, bà M bồi thường số tiền thu hoạch của 03 vụ lúa với số tiền 45.000.000 đồng.

[2.1] Các đương sự thống nhất nguồn gốc phần đất diện tích 2.600m² ông N, bà M đang canh tác là của cha mẹ là cụ Trần Văn Đ và cụ Huỳnh Thị U. Năm 1990, cụ Đ và cụ U tặng cho bà B nhưng chưa làm thủ tục tặng cho, bà B cũng không đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật mà ngày 16/6/1998, hộ Huỳnh Thị U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 21.226m², bao gồm diện tích đất 2.600m² đã tặng cho bà B. Năm 2016, hộ cụ U đã làm thủ tục tặng cho ông N toàn bộ diện tích đất nên ngày 03/3/2016 ông N đã được chỉnh lý biến động đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với bà B sau khi được cha mẹ tặng cho, bà B canh tác đất đến năm 2002 thì chuyển nhượng cho bà Lương Thị P với số vàng là 30 chỉ vàng 24K và

đã giao đất cho bà P sử dụng. Năm 2017, bà B cho rằng bà P chỉ mới thanh toán cho bà 10 chỉ vàng 24K, còn lại 20 chỉ vàng 24K chưa thanh toán nên khởi kiện yêu cầu bà P có nghĩa vụ thanh toán. Tại Bản án số 42/2019/DSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà B và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, việc bà B chuyển nhượng cho bà P và Bản án số 42/2019/DSST đã có đủ cơ sở xác định phần đất diện tích 2.600m² không còn thuộc quyền sử dụng của bà B do đã chuyển nhượng cho bà P.

[2.2] Năm 2020, bà P cho vợ chồng ông N, bà M mượn phần đất diện tích 2.600m² đã nêu tại mục [2.1] để canh tác. Vợ chồng ông N, bà M canh tác, gieo sạ lúa giống, chăm sóc, thu hoạch 03 vụ lúa bao gồm vụ sạ chay năm 2020, vụ Đông Xuân năm 2020 và vụ sạ chay năm 2021. Trong khoảng thời gian này, bà B có ngăn cản việc canh tác đất của ông N, bà M và tự ý gieo sạ lúa giống chồng lúa giống sau khi vợ chồng ông N, bà M đã gieo sạ cũng như bón phân, xịt thuốc vào lúa.

[2.3] Bà B cho rằng vợ chồng ông N, bà M ngang nhiên thu hoạch lúa của bà đối với 03 vụ lúa gây thiệt hại cho bà nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà M bồi thường số tiền 45.000.000 đồng. Xét thấy, như đã nhận định tại mục [2.1] và mục [2.2] thì bà B tự gieo sạ, bón phân, xịt thuốc trên phần đất diện tích 2.600m² không thuộc quyền sử dụng của bà B mà thuộc quyền sử dụng của bà P, đồng thời bà P đã cho vợ chồng ông N mượn để canh tác. Việc bà B tự ý gieo sạ lúa giống chồng lên lúa giống vợ chồng ông N, bà M đã gieo sạ cũng như tự ý bón phân, xịt thuốc trên phần đất không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, không được sự chấp thuận của bà P cũng như vợ chồng ông N, bà M là không đúng, đây là hành vi trái pháp luật xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Việc vợ chồng ông N, bà M canh tác, thu hoạch lúa trên phần đất là trên cơ sở được bà P cho mượn, không phải hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bà B nên không có trách nhiệm gì đối với bà B. Các chi phí bà B đã đầu tư, chăm sóc lúa trên phần đất bà B phải tự gánh chịu. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ pháp luật.

[3] Bà B cho rằng sau khi Tòa án nhân dân huyện L xét xử tại Bản án số 42/2019/DSST, bà P đã đồng ý trả lại đất cho bà bằng việc cho bà nhận số tiền bán lúa là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, phần đất tranh chấp sau khi được Tòa án nhân dân huyện L xét xử tại Bản án số 42/2019/DSST bác yêu cầu khởi kiện của bà B, nhưng sau đó bà B đã tự ý vào phần đất để canh tác, sạ chồng vào lúa bà P đã gieo sạ nên khi thu hoạch lúa phát sinh tranh chấp số tiền bán lúa. Được sự động viên của Công an xã, nghĩ tình nghĩa chị em nên bà P đã đồng ý cho bà B nhận số tiền bán lúa, đây là ý chí tự nguyện của bà P, không phải là căn cứ để chứng minh bà P đồng ý giao trả lại đất cho bà B.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy bà B kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông N, bà M bồi thường số tiền 45.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, căn cứ Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng: Điều 584 và Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B yêu cầu bị đơn ông Trần Hoàng N và bà Hồ Thị M bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 1.125.000 đồng theo lai thu tiền số 0006221 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang. Số tiền còn lại bà B phải nộp là 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu số tiền 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006413 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà B đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Thanh